

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 56/2025/HS-ST
Ngày 21/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và bà Nguyễn Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh S La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải. - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. *Lường Thái A; sinh ngày 07/6/1994, tại huyện Mộc Châu, tỉnh S La.*

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không. Con ông Lường Văn V và con bà Vi Thị T, có vợ là Hoàng Thị H, có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 07 ngày 22/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60, Điều 53 BLHS xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Đã chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo ngày 22/4/2018. Đã chấp hành án phí hình sự sơ thẩm ngày 22/10/2013 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/12/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là Công an thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La) đến nay. Có mặt.

2. *Đoàn Thái S; sinh ngày: 02/9/1991, tại huyện Mộc Châu, tỉnh S La.*

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Con ông Đoàn Văn T và con bà Lê Thị V, có vợ là Vì Thị Q, có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 07/02/2012, bị Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt vi phạm ngày 08/02/2012. (Đã được xóa tiền sự).

Ngày 16/5/2013, bị Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt vi phạm ngày 22/5/2013 (Đã được xóa tiền sự).

Ngày 06/10/2015, bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La khởi tố về tội Đánh bạc, ngày 21/10/2015 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu Quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/12/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La (nay là Công an thị xã Mộc Châu, tỉnh S La) đến nay. Có mặt.

3. Lường Tuấn V; sinh ngày: 19/10/1994, tại huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề N: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không. Con ông Lường Hữu V và con bà Phùng Thị H, có vợ là Lò Thị T, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

4. Hoàng Văn N; sinh ngày: 14/12/2001, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không. Con ông Hoàng Văn N và con bà Lý Thị T, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

5. Lường Ngọc Đ; sinh ngày: 02/01/1992, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không. Con ông Lương Văn D và con bà Lương Thị T, có vợ là Hoàng Thị Y, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

6. Ngọc Văn Q; sinh ngày: 02/9/1985, tại thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không. Con ông Ngọc Văn T và con bà Lương Thị Đ, có vợ là Lò Thị H, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

7. Hoàng Văn H; sinh ngày: 07/12/1992, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không. Con ông Hoàng Văn H (Đã chết) và con bà Hoàng Thị N, bị cáo có vợ là Đinh Thị G, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

8. Lò Văn Thọ; sinh ngày: 19/8/1989, tại huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S (Nay là tổ dân phố C, phường C, thị xã M, tỉnh S).

Nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12. Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không. Con ông Lò Văn T và con bà Bùi Thị S, bị cáo có vợ là Hoàng Thị S, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ ngày 06/12/2024 tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ tại tiểu khu Chờ Lồng, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh S La (nay là thị xã Mộc Châu, tỉnh S La) tiến hành kiểm tra phát hiện tại nhà kho của Lường Thái A có Lường Thái A, Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q, Đoàn Thái S, Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ đang đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Căn cứ hành vi vi phạm của các đối tượng, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.860.000 đồng VNĐ, 01 bộ tú gồm 42 quân bài, tổ công tác đã niêm phong vật chứng và dẫn giải các đối tượng đến trụ sở cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La (nay là Công an thị xã Mộc Châu, tỉnh S La) để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, Lường Thái A, Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q, Đoàn Thái S, Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ khai nhận:

Bản thân các bị cáo đều có mối quan hệ quen biết nhau vì sinh sống cùng khu vực. Khoảng 20 giờ ngày 07/12/2024 Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q, Đoàn Thái S, Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ đi đến nhà kho của Lường Thái A tại tiểu khu Chờ Lồng, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu để chơi. Trong khi ngồi chơi đến khoảng 21 giờ cùng ngày các bị cáo nảy sinh ý định đánh bạc dưới hình thức đánh liêng. Lường Thái A lấy 01 bộ tú để sẵn tại cửa sổ phòng kho rồi cùng mọi người ngồi quây tròn dưới sàn nhà kho để đánh bạc.

Thông nhất hình thức đánh bạc như sau: Những người tham gia đánh bạc cùng ngồi thành một vòng tròn, một trong số những người tham gia đánh bạc cầm bộ bài chia cho mỗi người tham gia đánh bạc 05 quân bài (Do các bị cáo thỏa thuận thống nhất chia 05 quân bài sau đó lấy 03 quân bài bất kỳ để cộng điểm). Chia bài xong thì người chơi cầm bài lên rồi lựa chọn 03 quân bài để tính điểm thắng thua. Theo quy ước người có 03 quân bài giống nhau (Sáp) thì tính cao nhất, tiếp đến là Liêng (ba quân bài có số thứ tự liên tiếp nhau), Ảnh (ba quân bài đầu người trong đó có 02 quân bài giống nhau), tiếp đến là tính điểm ai có điểm số cao nhất (Cộng tổng điểm 03 quân bài tương ứng từ 01 đến 10) thì thắng bạc.

Mỗi ván bạc người chơi đặt cược số tiền 20.000 đồng, kết thúc mỗi ván bạc mỗi người tiếp tục để vào chiếu bạc 20.000 đồng đặt cược và người thắng bạc ván trước sẽ chia bài.

Số tiền các bị cáo có để tham gia vào việc đánh bạc như sau.

Lường Thái A, Lường Tuấn V, Lường Ngọc Đ mỗi người có 400.000 đồng, Hoàng Văn N có 500.000 đồng, Ngọc Văn Q có 3.000.000 đồng, Đoàn Thái S có 100.000 đồng, Hoàng Văn H có 1.500.000 đồng, Lò Văn Thọ có 560.000 đồng.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 20/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu (nay là VKSND thị xã Mộc Châu) truy tố các bị cáo Lường Thái

A, Đoàn Thái S; Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ, có lý lịch nêu trên về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lường Thái A, Đoàn Thái S; Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ phạm tội “Đánh bạc” áp dụng căn cứ pháp luật để xử phạt các bị cáo như sau:

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35 ; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Thái A từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thái S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lường Tuấn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

5. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Ngọc Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

6. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngọc Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

7. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

8. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn Thọ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

9. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc phong bì thư do Công an huyện Mộc Châu phát hành còn nguyên niêm phong mặt trước có ghi dòng chữ: 01 bộ tư lơ khố gồm 42 quân bài, mặt sau các quân bài có nền họa tiết màu xA trắng thu giữ ngày 06/12/2024.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.860.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, các bị cáo có ý kiến như sau.

Các bị cáo nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, các bị cáo không có trA luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng: Các hành vi, Q định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/12/2024, các bị cáo Lương Thái A, Đoàn Thái S; Lương Tuấn V, Hoàng Văn N, Lương Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ đã có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.860.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định có mức hình phạt phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn hưởng lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy rằng quá trình ngồi chơi, các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc nên không có người khởi sự.

Do các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, nên khi áp dụng hình phạt cần xem xét đánh giá về nhân thân của từng bị cáo, vai trò của từng bị cáo và vai trò chủ nhà để áp dụng cho phù hợp với từng bị cáo theo Điều 58 BLHS.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Lương Tuấn V, Hoàng Văn N, Lương Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lương Thái A, Lương Tuấn V, Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ, có người thân thích là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy các bị cáo cáo Lương Tuấn V, Hoàng Văn N, Lương Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo có nơi

cư trú rõ ràng. Các bị cáo đều được gia đình và chính quyền địa phương có đơn xin bảo lãnh cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo án treo, cải tạo tại địa phương và giao các bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo cũng có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Đối với bị cáo Lường Thái A thấy rằng. Ngày 22/10/2013 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60, Điều 53 BLHS xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Đã chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo ngày 22/4/2018. Đã chấp hành án phí hình sự sơ thẩm ngày 22/10/2013 (Đã được xóa án tích).

Lẽ ra cần phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là phù hợp, tuy nhiên sau khi lượng hình Tòa án thấy rằng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc diện gia đình người có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS, như vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo được gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú có đơn xin bảo lãnh cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

Căn cứ Nghị Q số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị Q số 01/2022 ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về cho hưởng án treo, đối chiếu thấy rằng mặc dù bị cáo có tiền án nhưng đã được xóa án tích, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo của bản án trước đến khi phạm tội của bản án này là 06 năm, do đó chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo án treo, cải tạo tại địa phương và giao bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo cũng có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Đối với bị cáo S thấy rằng:

Ngày 07/02/2012 bị Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt vi phạm ngày 08/02/2012.

Ngày 16/5/2013 bị Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt vi phạm ngày 22/5/2013.

Ngày 06/10/2015 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La khởi tố về tội Đánh bạc, ngày 21/10/2015 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu Q định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng, ngày 07/02/2012, ngày 16/5/2013 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Ngày 06/10/2015 bị cáo cũng

tham gia đánh bạc, nhưng sau đó được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu Q định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự với bị cáo về hành vi đánh bạc, việc đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự là do chính sách pháp luật hình sự có sự thay đổi. Mặc dù tiền sự của bị cáo S cũng đã hết, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo cũng có đơn xin bảo lãnh của gia đình và chính quyền địa phương nhưng xét về hành vi vi phạm của bị cáo trước đó cũng như hành vi phạm tội của bị cáo lần này đều có hành vi phạm tội cùng loại, các lần xử lý vi phạm hành chính trước đó chưa đủ tác dụng giáo dục bị cáo, do đó cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là phù hợp, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về hình phạt bổ sung - phạt tiền:* Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi, do đó cần xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp, tuy nhiên cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo và khả năng thi hành của các bị cáo.

[7] *Về vật chứng của vụ án:*

Đối với 01 chiếc phong bì thư do Công an huyện Mộc Châu phát hành còn nguyên niêm phong mặt trước có ghi dòng chữ: 01 bộ tứ lơ khơ gồm 42 quân bài, mặt sau các quân bài có nền họa tiết màu xA trắng thu giữ ngày 06/12/2024. Là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 6.860.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã được niêm phong. Xác định là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Thời hạn tạm giam của bị cáo Đoàn Thái S còn dưới 45 ngày, Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

Q ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lường Thái A, Đoàn Thái S; Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Thái A 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án ngày 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thái S 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 07/12/2024.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Tuấn V 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

5. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Ngọc Đ 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

6. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngọc Văn Q 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

7. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

8. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn Thọ 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 21/02/2025.

Phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

9. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lương Thái A ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

10. Giao các bị cáo Lương Thái A, Lương Tuấn V, Hoàng Văn N, Lương Ngọc Đ, Ngọc Văn Q; Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ về cho UBND phường Cờ Đỏ, thị xã Mộc Châu, tỉnh S La, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

11. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc phong bì thư do Công an huyện Mộc Châu phát hành còn nguyên niêm phong mặt trước có ghi dòng chữ: 01 bộ tú lơ khơ gồm 42 quân bài, mặt sau các quân bài có nền họa tiết màu xA trắng thu giữ ngày 06/12/2024.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.860.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

12. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*).

13. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh S La;
- Viện KSND thị xã Mộc Châu;
- Công an thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- THA HS;
- Trại giam.
- Sở tư pháp tỉnh S La (khi án có hiệu lực);
- UBND phường Cờ Đỏ, thị xã Mộc Châu, tỉnh S La;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Mộc Châu; ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Số 06/2025/TB-TA

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2025/HSST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La có sai sót đã ghi tại trang số 04, dòng thứ 14 từ dưới lên như sau “Khoảng 20 giờ ngày **07/12/2024** Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q, Đoàn Thái S, Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ đi đến nhà kho của Lường Thái A tại tiểu khu Chờ Lồng, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu để chơi”.

Sau khi rà soát kiểm tra lại với Biên bản bắt người phạm tội quả tang thì các bị cáo bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc vào hồi 20 giờ ngày 06/12/2024 mới chính xác.

1. Để đảm bảo chính xác ngày các bị cáo phạm tội, nay được sửa lại như sau.

Khoảng 20 giờ ngày **06/12/2024** Lường Tuấn V, Hoàng Văn N, Lường Ngọc Đ, Ngọc Văn Q, Đoàn Thái S, Hoàng Văn H, Lò Văn Thọ đi đến nhà kho của Lường Thái A tại tiểu khu C, thị trấn N, huyện M để chơi”.

2. Các phần khác của bản án được giữ nguyên.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Bộ phận HS N vụ Công an thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

